

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 09-02-2026.

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vàng Thị Dưa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Khoàng Văn Sơn và ông Chảo Phù Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025; về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST- HNGĐ ngày 23/01/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Sùng Thị P, sinh ngày 12/02/1995.

Số CÁCHCD: 011195006154; Ngày cấp: 17/8/2021.

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C an.

Địa chỉ: Bản v, xã M, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Giàng A L, sinh ngày 16/8/1990.

Số CÁCHCD: 012090001069; Ngày cấp: 10/5/2021.

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C an.

Địa chỉ: Bản V, xã M, tỉnh Điện Biên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – chức vụ Tổng giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 169, phố L, phường H, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền: Ông Dương Thành N – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội M, tỉnh Điện Biên.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Mào Văn t – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội M, tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ: Tổ dân cư số 01, xã M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Giàng Thị Nhung, Trợ giúp viên pháp lý -Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lan, Trợ giúp viên pháp lý -Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Người phiên dịch cho nguyên đơn: Bà Vàng Thị Dính, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Bản Nà Hỳ 3, xã Nà Hỳ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Tại phiên tòa có mặt Các đương sự.

NỘI D V U Á N:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Sùng Thị P khai như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Sùng Thị P và anh Giàng A L về chung sống với nhau năm 2012 do tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu về chung sống với anh L cuộc sống bình thường anh L chịu khó làm ăn, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L thường hay uống rượu say về chửi mắng, đánh đập chị P, hai bên nội, ngoại có tham gia khuyên bảo để anh L thay đổi tính nóng nảy nhưng anh L không nghe nên giữa hai bên thường xảy ra cãi vã, lục đục. Đến tháng 9/2025 chị P đã bỏ về nhà mẹ đẻ, hiện ở tại bản H, xã Q, tỉnh Điện Biên. Nay chị P không còn tin tưởng vào anh L nữa, về tình cảm vợ chồng với anh L không còn gì, chị P đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng A L.

- *Về con chung:* Có 5 con chung chưa thành niên là Giàng A C, sinh ngày 30/8/2013; Giàng Thị D, sinh ngày 23/9/2015, Giàng Thị M, sinh ngày 29/6/2017; Giàng A C, sinh ngày 10/6/2019, và Giàng Thị S, sinh ngày 26/02/2021.

Khi ly hôn chị P đồng ý để anh Giàng A L trực tiếp nuôi dưỡng cả 05 con chung chưa thành niên đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Do hiện tại chị P không chưa có nơi ở ổn định.

- Về tài sản chung, nợ chung:

- *Tài sản chung:* 01 nhà thưng tôn do nhà nước hỗ trợ, 02 mảnh nương trồng lúa, 01 thửa ruộng mới khai hoang (đất nương và ruộng chưa được nhà nước cấp giấy), 01 con trâu đực hơn 03 tuổi, 02 con lợn nái, trong đó 01 con

giống địa phương khoảng 30 kg, 01 con giống lai khoảng 50 kg và 01 điện thoại cũ. Số thóc tẻ vụ mùa năm 2025, do chị P đi về nhà mẹ đẻ ở nên một mình anh L thu, chị P nghe anh L nói sau khi thu mang về nhà, anh L có bán đi mấy bao đề chi tiêu, giờ còn khoảng 10 bao thóc. Tại biên bản hòa giải ngày 25/12/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn chị P xin rút lại yêu cầu chia tài sản.

- **Nợ chung:** Vay ngân hàng chính sách xã hội 50.000.000đồng. Về số tài sản chung và nợ chung trên, nếu anh L đồng ý chia 01 con trâu đực hơn 03 tuổi, 01 con lợn nái giống nhỏ, số thóc tẻ 4-5 bao để ăn, 01 chiếc điện thoại cũ thì chị P đồng ý trả nợ ngân hàng cùng với anh L theo hợp đồng vay vốn của ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 12 năm 2025 tại nhà của bị đơn Giàng A L tại bản V, xã M, tỉnh Điện Biên bị đơn Giàng A L đã khai:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh L và chị P về chung sống với nhau năm 2012 do tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc hơn 12 năm, có với nhau 05 con chung. Đến tháng 8 năm 2025 giữa anh chị có xảy ra cãi vã, xô sát do anh L có nghi ngờ chị P có quen người đàn ông khác trên mạng xã hội nên anh L không cho chị P sử dụng điện thoại nữa. Chị P đã tự bỏ đi về nhà mẹ đẻ tại bản H, xã Q, tỉnh Điện Biên từ tháng 10/2025 đến nay. Nay chị P xin ly hôn với anh L tại Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên, anh L không đồng ý ly hôn.

- **Về con chung:** Anh L và chị P có 5 con chung chưa thành niên là Giàng A C, sinh ngày 30/8/2013; Giàng Thị D, sinh ngày 23/9/2015, Giàng Thị M, sinh ngày 29/6/2017; Giàng A C, sinh ngày 10/6/2019 và Giàng Thị S, sinh ngày 26/02/2021. Về con chung, anh Giàng A L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 05 con chung đến 18 tuổi và có khả năng lao động và không yêu cầu chị Sùng Thị P cấp dưỡng nuôi con chung. Vì lý do hiện Các cháu đang đi học ổn định tại trường mẫu giáo, tiểu học thuộc xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Còn chị P đang phải đi ở nhờ nhà mẹ đẻ không đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung:

+ **Tài sản chung:** Hiện có 01 ngôi nhà thương tôn do nhà nước hỗ trợ, còn 01 thửa ruộng và 02 mảnh nương trồng lúa là của bố mẹ đẻ chỉ cho mượn canh tác, có 01 con trâu đực hơn 03 tuổi là trâu nhà nước hỗ trợ đang nuôi chung với một hộ khác, còn lợn gà bị dịch chết hết không còn gì. Nếu ly hôn anh L không đồng ý chia tài sản gì cho chị P, số ruộng nương, chiếc điện thoại và con trâu anh L để lại cho Các con sử dụng.

+ **Nợ chung:** Anh Giàng A L có đứng tên vay vốn ngân hàng chính sách xã hội M 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) từ năm 2022, đến nay chưa trả được đồng nào. Mục đích vay mua trâu, mua máy cày, máy bừa và chi dùng trong gia đình. Khi ly hôn anh L yêu cầu chị P có trách nhiệm cùng anh L, mỗi người trả số nợ là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) cho Ngân hàng CSXH M.

Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội M, tỉnh Điện Biên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến tại C văn số 390/CV-NHCS ngày 15/12/2025, như sau:

Căn cứ vào Sổ vay vốn, mã khách hàng: 7080492783 lập ngày 10/02/2022 của hộ ông Giàng A L và bà Sùng Thị P, địa chỉ bản V, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên (Nay là bản V, xã M, tỉnh Điện Biên). Số tiền cho vay 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng), giải ngân ngày 16/04/2022, mục đích mua trâu, lãi suất 6,6%/năm. Nay do ông Giàng A L và bà Sùng Thị P ly hôn tại Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội M, tỉnh Điện Biên đề nghị Tòa án xem xét để ông Giàng A L và bà Sùng Thị P có trách nhiệm trả nợ theo nội D thỏa thuận tại Sổ vay vốn mã khách hàng: 7080492783 lập ngày 10/02/2022.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bị đơn theo yêu cầu của chị P, do Tòa án triệu tập nhiều lần anh L không đến Tòa án để cung cấp tài liệu chứng cứ. Ngày 25/12/2025 Tòa án tiến hành tiếp cận C khai chứng cứ và hòa giải về giao con chung, tài sản chung và nợ chung tại nhà của bị đơn Giàng A L, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương và đại diện Ngân hàng CSXH M, tỉnh Điện Biên.

Tại biên bản hòa giải ngày 25/12/2025 Các đương sự đã thống nhất thỏa thuận như sau:

Về con chung: Có 05 con chung chưa thành niên là Giàng A C, Giàng Thị D, Giàng Thị M, Giàng A C và Giàng Thị S. Chị P đồng ý cho anh Giàng A L trực tiếp nuôi dưỡng cả 05 con chung chưa thành niên đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Giàng A L không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị P đồng ý để ngôi nhà, xe máy, 01 con trâu cho Các con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Chị P và anh L còn nợ Ngân hàng CSXH M số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) từ năm 2022, chị P đề nghị anh L phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên, do hiện chị rất khó khăn, không có nhà ở phải đi ở nhờ nhà mẹ đẻ. Bị đơn anh L không đồng ý và yêu cầu chị P phải cùng trả nợ, mỗi người trả 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Đại diện Ngân hàng CSXH M, tỉnh Điện Biên đề nghị Tòa án xem xét để anh Giàng A L và chị Sùng Thị P phải cùng chịu trả số nợ đã vay từ năm 2022. Tính đến thời điểm xét xử còn dư nợ gốc 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng), cộng lãi: 1.357.944 đồng (trong đó nợ lãi tồn là 1.092.958đồng, nợ lãi kỳ đến 14/02/2026 là 264.986 đồng).

Tại phiên tòa chị P và anh L đã tự thỏa thuận trả nợ số tiền còn vay của NHCSXH Mường Nhé 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng), để mua trâu và mua máy cày, máy bừa và chi tiêu trong gia đình. Nay chị P và anh L thỏa thuận hai bên cùng có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, mỗi người trả một nửa là

25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 14/02/2026 là 679.000 đồng (sáu trăm bảy chín đồng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn ý kiến: Tại biên bản hòa giải ngày 25/12/2025 và tại phiên tòa chị P và anh L tự thỏa thuận về giao cả 05 con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giải quyết về nợ chung mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ chung vay NHCSXH Mường Nhé là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, không trái pháp luật, phù hợp với nguyên tắc tự định đoạt trong tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của Các đương sự để làm căn cứ cho việc thi hành án, đảm bảo quyền lợi của hai bên.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội D vụ án: Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX tuyên không C nhận vợ chồng giữa chị Sùng Thị P và anh Giàng A L.

- Giao con chung, căn cứ vào yêu cầu của chị P, anh L tại biên bản hòa giải ngày 25/12/2025 và quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, việc học tập không bị gián đoạn; Bị đơn anh L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 05 con chung và được chị P đồng ý. Giao cả 05 con chung chưa thành niên là Giàng A C, sinh ngày 30/8/2013; Giàng Thị D, sinh ngày 23/9/2015, Giàng Thị M, sinh ngày 29/6/2017; Giàng A C, sinh ngày 10/6/2019, và Giàng Thị S, sinh ngày 26/02/2021 cho anh Giàng A L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 25/12/2025 và việc tự thỏa thuận trả nợ chung tại phiên tòa, về phân tài sản chung chị P xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Đề nghị HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Sùng Thị P.

- Về án phí: Đề nghị miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Sùng Thị P là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Sùng Thị P, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ việc trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 7 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với Các đương sự, nhưng anh L vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ nhất, HĐXX đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa đương sự có mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và Các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2012, Sùng Thị P và anh Giàng A L về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, tuy có đầy đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."*. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị không được pháp luật C nhận là vợ chồng.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh L thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu xin ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không C nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, tuyên bố không C nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị P và anh Giàng A L.

[4] Về con chung: Chị P và anh L đều C nhận vợ chồng có 05 con chung chưa thành niên. Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 25/12/2025 về thỏa thuận giao con chung chưa thành niên và yêu cầu được nuôi cả 05 con chung của bị đơn anh L, nguyện vọng của Các cháu trên 07 tuổi và điều kiện nuôi con thực tế của chị P và anh L. Hiện chị P chưa có chỗ ở ổn định, chưa đảm bảo về điều kiện học tập cho con Ci khi được giao con chung. Xét yêu cầu được trực tiếp được nuôi dưỡng cả 05 con chung của bị đơn anh L thấy: Anh Giàng A L rất thương con, hơn nữa Các cháu đang theo học ổn định tại Các trường mẫu giáo, tiểu học gần nhà. Tại biên bản xác minh ngày 25/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên, chính quyền xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên cho biết anh L và chị P có nghề nghiệp chính làm ruộng nương có đủ điều kiện để nuôi con chung chưa thành niên. So về điều kiện anh L là người có điều kiện để chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên hơn chị P. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt

cho Các con chưa thành niên, căn cứ Điều 15, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của anh L, tuyên giao cháu cả 05 con chung chưa thành niên cho anh Giàng A L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành và có khả năng lao động. Anh L không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX chấp nhận. Đồng thời tuyên Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Tại biên bản hòa giải ngày 25/12/2025 nguyên đơn chị Sùng Thị P xin rút một phần yêu cầu về chia tài sản chung nên HĐXX căn cứ điểm Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu về cấp chia tài sản chung của chị P đối với bị đơn anh L.

Về nợ chung: Tại phiên tòa chị P và anh L đã thống nhất thỏa thuận, anh chị Sùng Thị P và anh Giàng A L cùng có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, mỗi người trả một nửa là 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 14/02/2026 là 679.000 đồng (sáu trăm bảy chín nghìn đồng). Xét thấy việc thỏa thuận của chị P và anh L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không vi phạm đạo đức, căn cứ Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự, C nhận sự thỏa thuận của chị P và anh L, mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ. Tại phiên tòa chị P đã nộp 10.000.000đồng (mười triệu đồng tiền nợ gốc và 679.000 đồng (sáu trăm bảy chín nghìn đồng) lãi đến ngày 14/02/2026). Chị P còn phải trả tiếp số tiền 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng) kèm theo phần lãi theo quy định của NHCSXH cho NHCSXH Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Đồng thời tuyên Các đương sự phải chịu lãi suất chậm trả đối phần nợ của mỗi người theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị P, anh L là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Sùng Thị P là người dân tộc thiểu số cư trú tại Các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Sùng Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì Các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 217, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, 16 và khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên không C nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị P và anh Giàng A L.

2. *Về giao con chung:* Tuyên giao cả 05 con chung chưa thành niên là Giàng A C, sinh ngày 30/8/2013; Giàng Thị D, sinh ngày 23/9/2015, Giàng Thị M, sinh ngày 29/6/2017; Giàng A C, sinh ngày 10/6/2019 và Giàng Thị S, sinh ngày 26/02/2021 cho anh Giàng A L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành và có khả năng lao động. Anh L không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

3. *Về tài sản chung:* Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Sùng Thị P đối với anh Giàng A L do chị P đã xin rút yêu cầu chia tài sản chung tại biên bản hòa giải ngày 25/12/2025.

4. *Về nợ chung:* C nhận sự thỏa thuận của chị Sùng Thị P và anh Giàng A L, mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ đã vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Mỗi người trả $\frac{1}{2}$ là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 14/02/2026 là 679.000 đồng (sáu trăm bảy chín đồng). Tại phiên tòa chị P đã nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền nợ gốc và 679.000 đồng (sáu trăm bảy chín nghìn đồng) lãi đến ngày 14/02/2026). Chị P còn phải nộp 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa nộp cho phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn chị Sùng Thị P được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng Co:* Án xử C khai sơ thẩm, có mặt Các đương sự, báo cho Các đương sự biết có quyền kháng Co bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, được quyền kháng Co phần quyết định có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ có liên quan đến mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn;
- VKSND khu vực 5, tỉnh Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Phòng Giám đốc, Thanh tra, Kiểm tra và THA
Tòa án tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vàng Thị Dưa